

Số: 471/2017/QĐST-HNGĐ

Pleiku, ngày 21 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án về tranh chấp Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 765/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa:

- Nguyên đơn: Anh Võ Công T, sinh năm 1978; Địa chỉ: tổ dân phố X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Đắk Lắk;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Lê Cát V, sinh năm 1979; Địa chỉ: phường A, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Công T và chị Nguyễn Lê Cát V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân anh Võ Công T và chị Nguyễn Lê Cát V có 02 con chung là: Võ Công Đăng K – sinh ngày 12/01/2006 và Võ Ngọc Trúc Q – Sinh ngày 15/3/2013. Sau khi ly hôn, anh T và chị V thỏa thuận việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và cũng theo nguyện vọng của cháu Võ Công Đăng K như sau:

- Giao anh Võ Công T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Võ Công Đăng K – sinh ngày 12/01/2006 cho đến khi cháu K đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Giao chị Nguyễn Lê Cát V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Ngọc Trúc Q cho đến khi cháu Q đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Anh Võ Công T và chị Nguyễn Lê Cát V không cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

2.2. *Về chia tài sản chung và nghĩa vụ chung:* Anh Võ Công T và chị Nguyễn Lê Cát V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí:* Án phí hòa giải thành về ly hôn là 150.000 đồng, anh Võ Công T phải chịu 75.000 đồng và chị Nguyễn Lê Cát V phải chịu 75.000 đồng. Tuy nhiên, anh T tự nguyện chịu án phí thay cho chị V, nên anh T có nghĩa vụ chịu án phí tổng cộng là 150.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp trước đây là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0003840 ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho anh Võ Công T 150.000 đồng số tiền tạm ứng án phí còn lại, theo biên lai thu số 0003840 ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Pleiku;
- THADS TP. Pleiku;
- Các đương sự;
- UBND phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku;
- (Số 163; Quyết số 07/2005 ngày 31/10/2005);
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngà